

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2024/DS-PT

Ngày: 30-8-2024

V/v: “Tranh chấp di sản thừa kế,
tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29, 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2023/TLPT-DS ngày 22/11/2023 về tranh chấp: “Di sản thừa kế và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 93/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 485/TB-TA ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Đức Đ, sinh năm: 1958; cư trú tại số B, đường Q, tổ A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ H, sinh năm: 1956; địa chỉ: số E, đường L, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Luật sư của Văn phòng L3 - Đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hà Thị Kim H1, sinh năm: 1962; cư trú tại hẻm C, quốc lộ B, tổ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1983; cư trú tại số A, đường T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy

quyền (Văn bản ủy quyền số 1416, quyền số 12/2023TP/CC-SCC-HĐGD do Phòng công chứng số 01 tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 05/12/2023); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hà Đức L, sinh năm: 1947; cư trú tại số D, đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2/ Bà Hà Thị Kim T1, sinh năm: 1949; cư trú tại số C, quốc lộ B, tổ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

3/ Ông Hà Đức H2, sinh năm: 1952; cư trú tại số E, đường T, tổ D, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

4/ Ông Hà Đức Q, sinh năm: 1954; cư trú tại hẻm C, quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

5/ Ông Hà Đức Đ1, sinh năm: 1956; cư trú tại số D, đường T, tổ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

6/ Ông Hà Đức L1, sinh năm: 1960; cư trú tại hẻm C, quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

7/ Bà Hà Thị Kim A, sinh năm: 1964; cư trú tại hẻm C, quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

8/ Ông Hà Đức H3, sinh năm: 1965; cư trú tại số E, đường N, tổ A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

9/ Ông Hà Đức C, sinh năm: 1967; cư trú tại hẻm C, quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

10/ Ông Phùng Quang H4, sinh năm: 1963; cư trú tại số B, đường T, tổ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

11/ Bà Chu Thị H5, sinh năm: 1958; vắng mặt.

12/ Chị Phùng Mã C1, sinh năm: 1995; vắng mặt.

13/ Chị Phùng Ngọc X, sinh năm: 1997; vắng mặt.

14/ Anh Phùng Xuyên P, sinh năm: 2001; vắng mặt.

15/ Anh Đồng Văn T2, sinh năm: 1993; vắng mặt.

Cùng cư trú tại số B, đường T, tổ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bà Hà Thị Kim H1 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/6/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày

16/02/2022, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Hà Đức Đ thì: Cha của ông là cụ Hà Văn L2 (sinh năm 1928, chết ngày 03/5/2017), mẹ của ông là cụ Phạm Thị B (sinh năm 1930, chết ngày 23/9/2002), cha, mẹ của ông không có người vợ, người chồng nào khác.

Cụ L2 và cụ B có 11 người con chung gồm ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C, bà Hà Thị Kim H1 và ông; hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác.

Quá trình chung sống cụ L2 và cụ B có tạo lập được khối tài sản chung bao gồm: Diện tích đất 8.099m² thuộc thửa số 09, 14, 15, 17, tờ bản đồ 06CL, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/2004 mang tên hộ ông Hà Văn L2. Diện tích đất 17.048m² thuộc thửa số 350, 351, 506, 507, 508, 514, 515, 516, 517, 526, 527, 528, 535, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ176657 ngày 29/4/2004 mang tên hộ ông Hà Văn L2. Đất ở diện tích 299,97m² thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203012389 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26/12/2003 mang tên ông Hà Văn L2. Diện tích 134,89m² thuộc thửa số 507, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203011137 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 23/4/2003 mang tên ông Hà Văn L2. Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 21/9/2021 ông Đ yêu phân chia di sản thừa kế đối với các tài sản sau:

+ Đất ở diện tích 299,97m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203012389 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26/12/2003 mang tên ông Hà Văn L2 và diện tích đất 8.099m² thuộc các thửa số 09, 14, 15, 17, tờ bản đồ 06CL, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/2004 mang tên hộ ông Hà Văn L2; các diện tích đất còn lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Các lô đất có tổng diện tích 1.500m² thuộc các thửa số 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, tờ bản đồ số 24, thị trấn L thuộc các lô đất số C29, C30, C31, C32, C33, C34, C35, C36, C37 đường L, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư lô 90) mỗi thửa có diện tích là 120m² và các thửa đất số 693, 698, 700 mỗi thửa có diện tích là 140m² thuộc tờ bản đồ số 25, thị trấn L thuộc lô đất số B46, B51, khu K, đường D, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư lô 90 Liên Nghĩa được cấp cho hộ gia đình ông Hà Văn L2 do bà Hà Thị Kim H1 đại diện.

Các tài sản trên là di sản của cha mẹ là cụ Hà Văn L2 và cụ Phạm Thị B để lại nên ông yêu cầu phân chia theo quy định của pháp luật.

Đối với Chúc thư trao quyền ngày 10/12/2013 do bà H1 nộp cho Tòa án thì ông xác định chữ ký trong chúc thư là của cụ Hà Văn L2 nhưng ông không đồng ý nội dung của chúc thư trao quyền này.

Vợ chồng cụ ông L2, cụ bà B không nợ ai và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản. Đối với số tiền ông đã nộp cho cơ quan Thi hành án tổng cộng 690.000.000đ để thi hành án cho cụ Hà Văn L2 thì không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này, trong gia đình sẽ tự giải quyết với nhau.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Phùng Quang H4 về việc yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L2 tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với lô đất có diện tích 318,2m² thuộc một phần thửa số 17, tờ bản đồ số 06CL, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì ông đồng ý. Giấy chứng nhận cha cho con đất ở ngày 09/01/2003 ông là người viết theo nội dung do cụ L2 đọc và ông xác định chữ ký trong giấy là chữ ký của cha mình, có người làm chứng là ông Hà Đức H3. Việc cụ L2 nhận ông H4 là con nuôi trong gia đình đều biết, tuy nhiên chỉ là nhận bằng lời nói với nhau, không có giấy tờ gì.

- Bà Hà Thị Kim H1 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, diện, hàng thừa kế của cụ ông Hà Văn L2, cụ bà Phạm Thị Bích. Trong thời gian còn sống, cha, mẹ của bà có tạo dựng được một số tài sản là quyền sử dụng đất tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Năm 2002 cụ bà B chết không để lại di chúc; năm 2017 cụ L2 chết, trước khi chết cụ L2 có lập Chúc thư trao quyền ngày 10/12/2013. Hiện nay các đồng thừa kế đang sử dụng diện tích đất theo đúng nội dung Chúc thư trao quyền, đúng với ý chí phân chia di sản thừa kế của cụ Hà Văn L2. Do vậy bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ L2 và cụ B theo Chúc thư trao quyền lập ngày 10/12/2013, phân chia di sản thừa kế như hiện trạng các đồng thừa kế đang sử dụng.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Phùng Quang H4 thì không đồng ý vì tại biên bản làm việc về việc giải quyết đơn của công dân ngày 04/5/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ thể hiện ý kiến của cụ Hà Văn L2 là chỉ cho bà Chu Thị H5 là vợ của ông Phùng Quang H4 ở tạm trên đất chứ cụ L2 không tặng cho ông H4 quyền sử dụng đất. Mặt khác, tại chúc thư trao quyền không có tên Phùng Quang H4 được hưởng thừa kế và thể hiện “...*tôi không để lại 03 (ba) di sản của tôi nêu trên cho bất cứ ai khác nữa và không chấp nhận bất kỳ sự tranh cãi, tranh chấp nào xảy ra trong gia đình...*”. Lúc cụ L2 còn sống thì chưa bao giờ đưa ông Phùng Quang H4 về ra mắt gia đình với tư cách là con nuôi, kể cả lúc cụ L2 đau bệnh nặng và qua đời, trong lúc tang gia không thấy mặt ông Phùng Quang H4. Về mặt pháp lý, nếu ông Phùng Quang H4 là con nuôi của cụ Hà Văn L2 thì phải có Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận và ghi vào sổ hộ tịch theo quy định. Do vậy bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Phùng Quang H4.

- Ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C thống nhất với lời trình bày của ông Hà Đức Đ và đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn; các ông, bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cha, mẹ là cụ Hà Văn L2, cụ Phạm Thị B theo quy định của pháp luật, yêu cầu Tòa án phân chia theo hiện vật thành 11 phần bằng nhau. Đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Phùng Quang H4, đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 318,2m² thuộc một phần thửa số 17, tờ bản đồ số 06CL, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho ông Phùng Quang H4.

- Theo lời trình bày của bà Chu Thị H5, người đại diện theo ủy quyền của ông Phùng Quang H4, thì: Vào khoảng năm 1989 do quen biết và nhận thấy ông Phùng Quang H4 sống thật thà nên cụ Hà Văn L2 và cụ Phạm Thị Bích n ông H4 làm con nuôi, việc hai bên nhận con nuôi bằng lời nói, không tuân thủ quy định nhận nuôi con nuôi theo quy định. Năm 1989 cụ L2, cụ B cho ông H4 một lô đất có diện tích 900m² tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để gia đình ông H4 làm nhà ở, cùng thời gian đó vợ chồng ông H4 đã dựng một căn nhà gỗ. Đến năm 2003 cụ Hà Văn L2 chính thức viết giấy cho ông H4 đất. Sau khi được cho đất và được sự đồng ý của cụ L2 và các con của cụ L2, ông H4 phá dỡ căn nhà gỗ để xây một căn nhà cấp 4 có diện tích 6m x 18m. Đối với diện tích đất 900m² mà cụ L2 đã viết giấy cho đất thì vào năm 2014 cụ L2 lấy lại khoảng 600m² để chuyển nhượng cho người khác. Phần diện tích đất còn lại gia đình ông H4 sử dụng ổn định cho đến nay, không ai có ý kiến gì, theo họa đồ đo đạc hiện trạng thửa đất thì phần diện tích này thuộc vị trí L. Ông H4 yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L2 tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 318,2m² thuộc một phần thửa số 17, tờ bản đồ số 06CL, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do ông H4 được cụ Hà Văn L2 cho đất từ năm 2003 và đã xây dựng nhà ở ổn định từ đó cho đến nay và được sự đồng ý của hầu hết các người con của cụ L2; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho ông H4.

- Chị Phùng Bá C2, chị Phùng Ngọc X, anh Đồng Văn T2 và anh Phùng Xuyên P trình bày: Các anh, chị là con của ông Phùng Quang H4, hiện nay đều đang sinh sống tại tích đất 318,2m² thuộc một phần thửa số 17, tờ bản đồ số 06CL, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nay ông H4 yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hà Văn L2 tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 318,2m² thuộc một phần thửa số 17, tờ bản đồ số 06CL, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì các anh chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho ông H4.

- Tại giấy xác nhận ngày 29/5/2019, bản tự khai ngày 02/11/2020, biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng là bà Nguyễn Tuyết M trình bày: Bà là giáo viên của ông Hà Đức Đ1 và ông Hà Đức Đ nên có

mối quan hệ thân tình với cụ Hà Văn L2, cụ Phạm Thị B từ năm 1976 cho đến nay. Trong thời gian quen biết và giữ mối quan hệ với gia đình cụ Hà Văn L2 bà không biết và không hề nghe cụ L2, cụ B trao đổi về nguyện vọng chia tài sản trong gia đình. Khi bà Hà Thị Kim H1 ở nhà bà trên Đ để học nghề may thì bà H1 có tâm sự với bà về việc gia đình hiện nay có khiếu kiện về đất đai do gia đình cho Hợp tác xã mượn đất nhưng khi Hợp tác xã giải thể thì không trả đất lại cho gia đình cụ Hà Văn L2 và ý kiến của cụ L2 là muốn trao quyền sử dụng diện tích đất đang khiếu kiện này cho bà H1 sau khi khiếu kiện có kết quả. Mọi chuyện liên quan đến diện tích đất này đều do bà H1 nói mà bà không nghe trực tiếp từ cụ L2, cụ B. Ngoài ra, bà H1 không nói chuyện với bà về tài sản khác của gia đình cụ L2, cụ B nên bà không nắm rõ tài sản của gia đình cụ L2, cụ B. Vào khoảng năm 2012 - 2013, bà H1 có nói cho bà biết cụ L2 có ý định làm di chúc trao cho bà H1 toàn quyền về diện tích đất đang tranh chấp khiếu nại vì bà H1 bỏ nhiều công sức, tiền của để tiến hành việc kiện tụng và cụ Hà Văn L2 muốn bà ký làm chứng trong bản di chúc đó. Bà không nhớ chính xác thời gian nào của năm 2013, bà H1 mang bản di chúc đến nhà bà, nội dung di chúc là cụ L2 trao quyền cho bà H1 đối với diện tích đất đang tranh chấp khiếu kiện, ngoài ra không đề cập đến tài sản nào khác. Bà có ký tên vào bản di chúc này trong tình trạng đang bị sốt, chỉ ký trước mặt của bà H1, không có mặt cụ L2 và người làm chứng Nguyễn Thị Minh C3. Sau đó khoảng năm 2016 – 2017 cụ Hà Văn L2 bị bệnh nằm điều trị tại Bệnh viện H7, bà có đến thăm, cụ L2 khi ấy vẫn rất minh mẫn, nhớ tất cả mọi chuyện, nhưng bà không hề nghe cụ L2 nói gì đến việc nhờ bà làm chứng trong chúc thư trao quyền cho bà H1. Bà khẳng định bà không được bà H1 trao đổi về nội dung như trong bản “Chức thư trao quyền ngày 10/12/2013”, nội dung trong chúc thư trao quyền này không đúng với nội dung bà H1 trao đổi với bà về việc trao quyền tài sản.

- Tại đơn đề nghị vắng mặt, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Minh C3 trình bày và xác nhận: Cụ Hà Văn L2 là người có nhiều kiến thức và kinh nghiệm trong ngành nông nghiệp. Bà biết cụ L2 khi bà làm việc trong ngành nông nghiệp, khi nào gặp bà cũng được cụ L2 chia sẻ cho bà nhiều kinh nghiệm trong ngành. Khoảng thời gian cuối năm 2013, bà thăm cụ tại Bệnh viện H7, cụ có cho bà xem bản “Chức thư trao quyền” và có nguyện vọng nhờ bà ký người làm chứng. Bà nhận biết khi đó cụ L2 đầu óc minh mẫn, chỉ ít đi lại và nằm điều dưỡng. Bà đọc kỹ Chức thư và ký người làm chứng theo nguyện vọng của cụ. Bà xác nhận đã đọc kỹ chúc thư trước khi ký, tự tay ký và ghi họ tên đầy đủ trước mặt cụ L2, khi đó chỉ có cụ L2 và bà.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 93/2023/DS-ST ngày 26/9/2023; Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Đức Đ về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” bị đơn là bà Hà Thị Kim H1, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C đối với quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 09, 14, 15, 17, tờ bản đồ số 06CL, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 176659 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 29/4/2004 mang tên hộ ông Hà Văn L2 và diện tích đất ở 299,97m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 5 thị trấn L, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203012389 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26/12/2003 mang tên ông Hà Văn L2.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Đức Đ về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với bị đơn bà Hà Thị Kim H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C.

Chia cho ông Hà Đức L quyền sử dụng thửa đất số 554, tờ bản đồ số 24, diện tích 120m², tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979369 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho bà Hà Thị Kim T1 quyền sử dụng thửa đất số 555, tờ bản đồ số 24, diện tích 120m², tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979370 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho ông Hà Đức H2 quyền sử dụng thửa đất số 556, tờ bản đồ số 24, diện tích 120m², tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979371 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho ông Hà Đức Q quyền sử dụng thửa đất số 557, tờ bản đồ số 24, diện tích 120m², tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979372 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho ông Hà Đức Đ1 quyền sử dụng thửa đất số 558, tờ bản đồ số 24, diện tích 120m², tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979373 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho ông Hà Đức L1 quyền sử dụng thửa đất số 559, tờ bản đồ số 24, diện tích 120m², tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979374 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho bà Hà Thị Kim A quyền sử dụng thửa đất số 560, tờ bản đồ số 24, diện tích 120m², tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979375 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho ông Hà Đức H3 quyền sử dụng thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24, diện tích 120m², tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979376 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho ông Hà Đ2 Cường quyền sử dụng thửa đất số 562, tờ bản đồ số 24, diện tích 120m², tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979377 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho bà Hà Thị Kim H1 quyền sử dụng 02 thửa đất: thửa đất số 698, tờ bản đồ số 24, diện tích 140m², tại đường D, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979379 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 và thửa đất số 700, tờ bản đồ số 24, diện tích 140m², tại đường D, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979380 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Chia cho ông H6 Đức Độ quyền sử dụng thửa đất số 693, tờ bản đồ số 25, diện tích 140m², tại đường D, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 979378 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

Ông Hà Đức Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C, mỗi người 13.889.051đ (Mười ba triệu tám trăm tám mươi chín nghìn không trăm năm mươi một đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/10/2023 bà H1 kháng cáo không đồng ý đối với Bản án Dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án sơ theo hướng đề cho bà được nhận di sản thừa kế của cụ Hà Văn L2 theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Bà Hà Thị Kim H1, ông Nguyễn Minh T, người đại diện theo ủy quyền của bà H1, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ông Hà Đức Đ không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L2 và cụ B có mặt tại phiên tòa (trừ bà H1) đồng ý mỗi người trích 10% trên giá trị diện tích đất được hưởng để giao cho bà H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Kim H1, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc nguyên đơn là ông Hà Đức Đ có đơn khởi kiện; ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế do cụ Hà Văn L2, cụ Phạm Thị B để lại (các lô đất được cơ quan có thẩm quyền đền bù) theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông Phùng Quang H4 có đơn yêu cầu thực hiện hợp đồng tặng cho chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 318,2m² thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ số 06CL, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bị đơn cho rằng trước khi chết cụ Hà Văn L2 để lại chúc thư và chia đều di sản cho mỗi thành viên trong gia đình nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp di sản thừa kế và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: Cụ Hà Văn L2, sinh năm 1928, chết ngày 03/5/2017, cụ Phạm Thị B, sinh năm 1930, chết ngày 23/9/2002; có những người con chung cụ thể như sau: ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C, ông Hà Đức Đ và bà Hà Thị Kim H1.

Ngoài ra, cụ L2, cụ B không có người vợ, người chồng, không có con riêng, con nuôi, nào khác; cha mẹ của hai cụ đã chết từ trước.

Bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ L2, cụ B; thời điểm chết của hai cụ, không có tranh chấp về hàng, diện thừa kế. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Xét về di sản thừa kế:

[2.2.1] Theo ông Hà Đức Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C đều xác định quyền sử dụng diện tích đất 1.500m² thuộc các thửa đất số 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc các lô đất số C29, C30, C31, C32, C33, C34, C35, C36, C37, khu I, đường L, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư lô 90) và các thửa đất số 693, 698, 700, tờ bản đồ số 25, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc các lô đất số B44, B46, B51, khu K đường Dã Tượng, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư lô 90 L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 là tài sản chung của vợ chồng cụ Hà Văn L2 và cụ Phạm Thị Bích . Theo bà Hà Thị Kim H1 thì xác định nguồn gốc quyền sử dụng đất 1.500m² (tài sản thứ 3) trong chúc thư thì theo bản nhận thực cắm ranh giới của Văn phòng kinh lý tỉnh Tuyên Đức, quận Đ lập ngày 20/3/1964 với tổng diện tích 74.290m² và Trích lục địa bộ lập ngày 12/11/1974 với diện tích 74.344m² đều đứng tên riêng cụ Hà Văn L2, do đó, quyền sử dụng diện tích 1.500m² là di sản thuộc quyền sử dụng riêng của ông L2. Như vậy lời trình bày của các đương sự là có sự mâu thuẫn, do đó cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.2.2] Xét thấy, tại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979380 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² thuộc thửa 224, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979370 đối với diện tích 120m² thuộc thửa 555; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979371 đối với diện tích 120m² thuộc thửa 556; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979372 đối với diện tích 120m² thuộc thửa 557; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979373 đối với diện tích 120m² thuộc thửa 558; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979374 đối với diện tích 120m² thuộc thửa 559; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979375 đối với diện tích 120m² thuộc thửa 560; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979376 đối với diện tích 120m² thuộc thửa 561; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979377 đối với diện tích 120m² thuộc thửa 562; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979378 đối với diện tích 140m² thuộc thửa 693; Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979379 đối với diện tích 140m² thuộc thửa 698; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979380 đối với diện tích 140m² thuộc thửa 700, tất cả đều do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/12/2021; đồng thời tại các Quyết định giao đất đều thể hiện giao 1.500m² đất cho hộ gia đình “ông Hà Văn L2”, quá trình giải quyết vụ án các con của cụ L2 và cụ B đều thừa nhận diện tích đất nói trên được cấp là xuất phát từ việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đền bù do trước đó đã thu hồi đất của vợ chồng cụ L2, cụ B rất nhiều và xác định đây là tài sản của cha mẹ; như vậy cần xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Hà Văn L2, cụ Phạm Thị B để lại.

Hiện nay các bên chỉ tranh chấp việc có chia khối di sản nói trên cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất cụ L2 và cụ B theo pháp luật hay chỉ chia cho bà H1 theo chúc thư của cụ L2 để lại.

[2.3] Xét về tính hợp pháp của chúc thư:

Tại bản chúc thư trao quyền ngày 10/12/2013 (ngày 08/11 năm Quý Ty) thể hiện “Tôi khẳng định tôi tinh thần minh mẫn, sáng suốt, tôi tuyên bố nội dung chúc thư để lại tài sản của tôi (do tôi đứng tên sở hữu đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên đều đứng tên tôi Hà Văn L2) cho người được hưởng chúc thư là con gái Hà Thị Kim H1. Tôi là chủ sở hữu 03 (ba) tài sản đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm:

1. Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và nhà: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD176659 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 29/4/2004 do ông Phạm N – Phó chủ tịch huyện ký, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tại tờ bản đồ số 06 CL, gồm các thửa 09 diện tích 3.343m²; thửa 14 diện tích 2.593m²; thửa 15 diện tích 1.178m²; thửa 17 diện tích 985m², tổng cộng là 8.099m². Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203012389 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/12/2003 tọa lạc tại số C, tổ A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, diện tích sử dụng là 87m², diện tích xây dựng là 89,76m².

2. Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và nhà: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ176657 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 29/4/2004, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, gồm các thửa 350, 351, 506, 507, 508, 514, 515, 516, 517, 526, 527, 528, 535, tổng cộng là 17.048m². Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203011137 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/4/2003 tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Tài sản thứ 3: Tài sản khác (tài sản này đang giao ủy quyền lại cho con tôi là Hà Thị Kim H1 – con gái thư đi khiếu nại để lấy lại đất hoặc tiền đền bù được trả tương đương, bao gồm.... Các con tôi 11 (mười một người con) người con kể cả trai và gái cụ thể như sau: Hà Đức L, Hà Thị Kim T1, Hà Đức H2, Hà Đức Q, Hà Đức

Đ1, Hà Đức Đ, Hà Đức L1, Hà Thị Kim H1, Hà Thị Kim A, Hà Đức H3, Hà Đức C. Nay tôi lập chúc thư để định đoạt 03 tài sản của tôi nêu trên như sau: Sau khi tôi qua đời các con tôi được thừa hưởng di sản do tôi để lại là phần thuộc sở hữu của tôi cụ thể:....phía dưới có chữ ký, điểm chỉ của cụ Hà Văn L2, người làm chứng của bà M, bà C3.

Xét thấy cụ Hà Văn L2 là người biết chữ, biết viết nên việc thể hiện di chúc có thể thực hiện bằng bản viết tay hoặc bản đánh máy. Tại bản chúc thư trao quyền ngày 10/12/2013 là bản chúc thư đánh máy, có 05 trang, tuy nhiên chúc thư không đánh số thứ tự mỗi trang, không ký tên và điểm chỉ vào mỗi trang của chúc thư. Tại trang cuối của chúc thư chỉ có điểm chỉ và ký tên và ghi họ tên của của cụ Hà Văn L2, bà Nguyễn Thị Minh C3, bà Nguyễn Tuyết M, đồng thời cụ Hà Văn L2 chỉ ký giáp lai vào bản chúc thư nói trên; việc làm chứng của bà M chưa đảm bảo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định của pháp luật; không công nhận tính hiệu lực của chúc thư vừa nêu là phù hợp.

Tuy nhiên, dù chúc thư được xem là không có hiệu lực nhưng nội dung của cũng thể hiện việc cụ Hà Văn L2 lập chúc thư để lại di sản cho các con là ý chí và nguyện vọng của cụ. Nội dung bản chúc thư đã thể hiện đầy đủ và đúng các nội dung liên quan đến nguyện vọng của người để lại di chúc. Đồng thời trên thực tế nội dung chúc thư nói trên cũng được các con của cụ Hà Văn L2 thực hiện, cụ thể các phần đất khác đã giao cho những người con quản lý, sử dụng theo chúc thư (không có tranh chấp trong vụ án này).

[2.4] Về kỹ phần thừa kế:

Như vậy, di sản của cụ Hà Văn L2 và cụ Phạm Thị B để lại là toàn bộ diện tích quyền sử dụng diện tích đất 1.500m² thuộc thửa đất số 554 diện tích 120m², thửa đất số 555 diện tích 120m², thửa đất số 556 diện tích 120m², thửa đất số 557 diện tích 120m², thửa đất số 558 diện tích 120m², thửa đất số 559 diện tích 120m², thửa đất số 560 diện tích 120m², thửa đất số 561 diện tích 120m², thửa đất số 562 diện tích 120m², tờ bản đồ số 24, thị trấn L thuộc các lô đất số C29, C30, C31, C32, C33, C34, C35, C36, C37, khu I, đường L, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư lô 90) và thửa đất số 700 diện tích 140m², thửa đất số 698 diện tích 140m², thửa đất số 693 diện tích 140m² tờ bản đồ số 25 thị trấn L thuộc các lô đất số B44, B46, B51, khu K đường Dã Tượng, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư lô 90 L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với từng thửa riêng biệt.

[3] Về việc chia di sản thừa kế:

Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất dùng kết quả thẩm định giá do Công ty cổ phần T3 và thẩm định giá Năm Thành Viên thực hiện ngày 15/3/2023 để giải quyết vụ án, không yêu cầu thẩm định giá lại; xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979369 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 554, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979370 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 555, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979371 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 556, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979372 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 557, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979373 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 558, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979374 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 559, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979375 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 560, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979376 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979377 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 120m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 562, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979378 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021

mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 140m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 693, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979379 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 140m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 698, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979380 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 140m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 700, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xin được nhận bằng hiện vật.

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự xác định do bà H1 có nhiều công sức trong việc khiếu kiện đòi đất nên cần giao cho bà H1 phần nhiều hơn, tương đương là 01 lô đất, 11 lô đất còn lại xác định là di sản của cụ L2 và cụ B để phân chia theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, bà H1 là người có công sức trong việc thực hiện các thủ tục khiếu nại để Nhà nước cấp các quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nói trên nên cần tính công sức cho bà H1; đồng thời mặc dù chúc thư không có hiệu lực pháp luật nhưng cũng thể hiện ý chí của cụ L2 để lại tài sản của mình cho bà H1. Tại phiên tòa nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đồng ý thanh toán 10% giá trị quyền sử dụng đất được nhận cho bà H1; xét đây là sự tự nguyện của đương sự; tuy nhiên hiện nay bà H1 đang bị đau ốm; bệnh tật; là người có công rất lớn trong việc làm việc với cơ quan chức năng để được cấp đất cho gia đình nên cần buộc những người được nhận quyền sử dụng đất phải thanh toán cho bà H1 20% giá trị quyền sử dụng đất được nhận là phù hợp. Ông Đ được chia lô đất có diện tích 140m²; nhiều hơn các đồng thừa kế khác; do buộc các đương sự thanh toán lại cho bà H1 20% giá trị đất được nhận nên không cần buộc ông Đ phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác giá trị tài sản chênh lệch

Như vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị B gồm cụ Hà Văn L2, ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C, ông Hà Đức Đ, bà Hà Thị Kim H1 được hưởng khối di sản do cụ B để lại (gồm 12 kỷ phần).

[3.2] Theo Chứng thư thẩm định giá do Công ty thẩm định giá Năm Thành Viên thực hiện ngày 15/3/2023 thì:

+ Diện tích đất 1.080 thuộc các thửa 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562 có tổng giá trị là 24.297.594.000đ.

+ Thửa 693, 698, 700, có tổng giá trị là 8.515.870.000đ.

Tổng giá trị của khối tài sản nói trên là 32.813.464.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án do các đương sự đều xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, do đó cần phân chia như sau:

+ Chia cho ông Hà Đức L quyền sử dụng đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 554, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979369 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.699.732.698đ (làm tròn). Buộc ông L thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 539.946.539đ (2.699.732.698đ x 20%); như vậy giá trị di sản ông L thực nhận là 2.159.786.158đ.

+ Chia cho bà Hà Thị Kim T1 quyền sử dụng đất có diện tích 120m², thuộc thửa đất số 555, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979370 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.699.732.698đ (làm tròn). Buộc bà T1 phải thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 539.946.539đ (2.699.732.698đ x 20%); như vậy giá trị di sản bà T1 thực nhận là 2.159.786.158đ.

+ Chia cho ông Hà Đức H2 quyền sử dụng đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 556, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979371 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.699.732.698đ (làm tròn). Buộc ông H2 thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 539.946.539đ (2.699.732.698đ x 20%); như vậy giá trị di sản ông H2 thực nhận là 2.159.786.158đ.

+ Chia cho ông Hà Đức Q quyền sử dụng đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 557, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979372 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.699.732.698đ (làm tròn). Buộc ông Q thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 539.946.539đ (2.699.732.698đ x 20%); như vậy giá trị di sản ông Q thực nhận là 2.159.786.158đ.

+ Chia cho ông Hà Đức Đ1 quyền sử dụng đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 558, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979373 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.699.732.698đ (làm tròn). Buộc ông Đ1 thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 539.946.539đ (2.699.732.698đ x 20%); như vậy giá trị di sản ông Đ1 thực nhận là 2.159.786.158đ.

+ Chia cho ông Hà Đức L1 quyền sử dụng lô đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 559, tờ bản đồ số 24, tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979374 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.699.732.698đ (làm tròn). Buộc ông L1 thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 539.946.539đ (2.699.732.698đ x 20%); như vậy giá trị di sản ông L1 thực nhận là 2.159.786.158đ.

+ Chia cho bà Hà Thị Kim A quyền sử dụng lô đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 560, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979375 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.699.732.698đ (làm tròn). Buộc bà Kim A thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 539.946.539đ (2.699.732.698đ x 20%); như vậy giá trị di sản bà Kim A thực nhận là 2.159.786.158đ.

+ Chia cho ông Hà Đức H3 quyền sử dụng lô đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979376 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.699.732.698đ (làm tròn). Buộc ông H3 thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 539.946.539đ (2.699.732.698đ x 20%); như vậy giá trị di sản ông H3 thực nhận là 2.159.786.158đ.

+ Chia cho ông Hà Đ2 Cường quyền sử dụng lô đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 562, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979377 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.699.732.698đ (làm tròn). Buộc ông C thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 539.946.539đ (2.699.732.698đ x 20%); như vậy giá trị di sản ông C thực nhận là 2.159.786.158đ.

+ Chia cho ông H6 Đức Độ quyền sử dụng lô đất 140m² đất ở đô thị thuộc thửa đất số 693, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại tại đường D, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979378 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021, có giá trị là 2.838.623.208đ (làm tròn). Buộc ông Đ thanh toán cho bà H1 20% giá trị lô đất là 567.724.641đ (2.838.623.208đ x 20%); như vậy giá trị di sản ông Đ thực nhận là 2.270.898.567đ.

+ Chia cho bà Hà Thị Kim H1 quyền sử dụng đất 140m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 698, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979379 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia

đình ông Hà Văn L2 và quyền sử dụng đất 140m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 700, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979380 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn L2 đối với diện tích đất 140m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 700, tờ bản đồ số 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có tổng giá trị là 5.677.246.400đ (làm tròn).

[4] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hà Thị Kim H1 để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[5] Những phần di sản khác của cụ L2 và cụ B để lại hiện nay các bên không tranh chấp nên không đề cập; trong trường hợp sau này có yêu cầu thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản là 93.609.000đ; nguyên đơn nhận chịu toàn bộ chi phí này nên cần ghi nhận (nguyên đơn đã tạm nộp và được cấp sơ thẩm quyết toán xong).

[7] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[8] Về án phí: Lẽ ra bà Hà Thị Kim H1, ông Hà Đức Đ, ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức L1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được nhận.

Tuy nhiên, do ông Hà Đức Đ, sinh năm: 1958, bà Hà Thị Kim H1, sinh năm: 1962, ông Hà Đức L, sinh năm: 1947, bà Hà Thị Kim T1, sinh năm: 1949, ông Hà Đức H2, sinh năm: 1952, ông Hà Đức Q, sinh năm: 1954, ông Hà Đức Đ1, sinh năm: 1956, ông Hà Đức L1, sinh năm: 1960, tính đến thời điểm xét xử đã trên 60 tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi nên cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho các đương sự vừa nêu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C mỗi người phải chịu án án phí Dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được nhận (72.000.000đ + 2% x 159.786.158đ).

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Hà Thị Kim H1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, các Điều 156, 157, 158, 164, 165, 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 609, 612, 613, 624, 625, 628, 630, 632, 643, 649, 650, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hà Thị Kim H1, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đức Đ; một phần yêu cầu độc lập của ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” đối với bà Hà Thị Kim H1.

1.1. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hà Văn L2 và cụ Phạm Thị B là: ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C, ông Hà Đức Đ và bà Hà Thị Kim H1.

1.2. Chia cho các đương sự được nhận Quyền sử dụng cụ thể như sau:

+ Chia cho ông Hà Đức Đ lô đất có diện tích 140m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 693, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại đường D, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979378 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho bà Hà Thị Kim H1 lô đất có diện tích 140m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 698 và lô đất có diện tích 140m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 700; tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại đường D, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979379 và số DB979380 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho ông Hà Đức L lô đất có diện tích 120m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 554, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979369 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho bà Hà Thị Kim T1 lô đất có diện tích 120m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 555, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979370 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho ông Hà Đức H2 lô đất có diện tích 120m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 556, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979371 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho ông Hà Đức Q lô đất có diện tích 120m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 557, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979372 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho ông Hà Đức Đ1 lô đất có diện tích 120m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 558, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979373 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho ông Hà Đức L1 lô đất có diện tích 120m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 559, tờ bản đồ số 24, tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979374 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho bà Hà Thị Kim A lô đất có diện tích 120m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 560, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979375 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho ông Hà Đức H3 lô đất có diện tích 120m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 561, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979376 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

+ Chia cho ông Hà Đức C lô đất có diện tích 120m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thuộc thửa số 562, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất số DB979377 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021.

1.3. Buộc ông Hà Đức Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Hà Thị Kim H1 số tiền 567.724.641đ (năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng).

Buộc ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1, bà Hà Thị Kim A, ông Hà Đức H3, ông Hà Đức C mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Thị Kim H1 số tiền 539.946.539đ (năm trăm ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi chín đồng).

1.4. Bà Hà Thị Kim H1 có trách nhiệm giao lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/12/2021 cho các đương sự tương ứng với số thửa đất đã nhận; cụ thể; ông Hà Đức Đ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979378; ông Hà Đức L: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979369; bà Hà Thị Kim T1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979370; ông Hà Đức H2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979371; ông Hà Đức Q: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979372; ông Hà Đức Đ1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979373; ông Hà Đức L1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979374; bà Hà Thị Kim A: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979375; ông Hà Đức H3: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979376; ông Hà Đức C: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB979377.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

3. Về chi phí tố tụng: Ông Hà Đức Đ tự nhận chịu số tiền 93.606.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản (đã nộp và được Tòa án cấp sơ thẩm quyết toán xong).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Hà Đức Đ, bà Hà Thị Kim H1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị Kim T1, ông Hà Đức H2, ông Hà Đức Q, ông Hà Đức Đ1, ông Hà Đức L1.

Buộc bà Hà Thị Kim A phải chịu 38.595.795đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 5.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm bà A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008234 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bà Hà Thị Kim A còn phải nộp 33.595.795đ án phí còn thiếu.

Buộc ông Hà Đức H3 phải chịu 38.595.795đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 5.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm ông H3 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008235 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Ông H3 còn phải nộp 33.595.795đ án phí còn thiếu.

Buộc ông Hà Đức C phải chịu 38.595.795đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 5.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm ông C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008236 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Ông C còn phải nộp 33.595.795đ án phí còn thiếu.

Ông Phùng Quang H4 được nhận lại số tiền 2.800.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000164 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà Hà Thị Kim H1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đức Trọng (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng (01);
- Đương sự (17);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Châu Thạch